



Ban Điều hành IMF Kết luận Đợt Tham vấn Điều IV Năm 2022 với Việt Nam

THÔNG CÁO BÁO CHÍ CÔNG BỐ NGAY LẬP TỨC

Washington, DC – Ngày **5/7/2022**: Ban Giám đốc Điều hành Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã kết luận đợt tham vấn Điều IV¹ với Việt Nam.

Việt Nam bước vào đại dịch khi nền kinh tế tăng trưởng vững chắc và các yếu tố nền tảng lành mạnh. Trước đại dịch, những chính sách thận trọng đã giúp Việt Nam đạt tỷ lệ tăng trưởng cao, giá cả ổn định và nợ công thấp trong một giai đoạn dài. Luồng thương mại và vốn đầu tư nước ngoài (FDI) mạnh đã giúp củng cố các đệm kinh tế đối ngoại, và khu vực ngân hàng bước vào đại dịch trong trạng thái tương đối vững mạnh.

Cũng giống như ở các quốc gia khác, đại dịch COVID-19 đã gây ra những đứt gãy trong hoạt động kinh tế ở Việt Nam. Năm 2020, các biện pháp phòng chống dịch hiệu quả, cùng với những chính sách mang tính hỗ trợ tăng trưởng, đã giúp Việt Nam trở thành nền kinh tế có kết quả tốt nhất trong khu vực. Đợt bùng phát dịch nghiêm trọng hồi tháng 4/2021 đã khiến hoạt động kinh tế trong Quý III/2021 suy giảm mang tính lịch sử. Tuy nhiên, một chiến dịch triển khai tiêm vắc-xin đầy ấn tượng đã tạo thuận lợi cho Việt Nam chuyển hướng chiến lược từ quét sạch vi-rút sang sống chung với vi-rút. Hỗ trợ chính sách đã giúp giảm nhẹ tác động của COVID-19, đồng thời chính phủ đã duy trì thành công ổn định tài chính, tài khoá và kinh tế đối ngoại. Năm 2021, GDP thực tăng trưởng ở mức 2,6%, thấp hơn so với năm 2020, do các đợt phong toả kéo dài và đứt gãy chuỗi cung ứng trong nước. Trạng thái kinh tế đối ngoại của Việt Nam được đánh giá là mạnh hơn so với mức phù hợp với các yếu tố nền tảng.

Nền kinh tế hiện đang phục hồi và các chỉ số thống kê tần suất cao đều cho thấy đà tăng trưởng mạnh trong năm 2022, với doanh thu bán lẻ, sản lượng công nghiệp và số lượng doanh nghiệp mới gia nhập thị trường đều đang tăng lên. Tăng trưởng được dự báo đạt mức 6% trong năm 2022 khi hoạt động kinh tế trở lại bình thường và Chương trình Phục hồi và Phát triển Kinh tế-Xã hội được triển khai thực hiện. Tuy nhiên, sự phục hồi trên thị trường lao động vẫn còn chậm chạp với tỷ lệ thiếu việc làm còn ở mức cao. Mặc dù lạm phát đã tăng trong thời gian gần đây do giá hàng hoá thô tăng và những đứt gãy trong chuỗi cung ứng, nhưng lạm phát vẫn còn ở mức thấp so với trần lạm phát của ngân hàng nhà nước do nền kinh tế còn hoạt động cầm chừng, và giá cả lương thực, thực phẩm và các mặt hàng do nhà nước quản lý giá tương đối ổn định. Chính sách tài khoá được kỳ vọng sẽ tiếp tục định hướng hỗ trợ tăng trưởng, đặc biệt thông qua triển khai Chương trình Phục hồi, Phát triển Kinh tế-Xã hội. Chính sách tiền tệ được kỳ vọng vẫn tiếp tục thận trọng trước rủi ro lạm phát. Các rủi ro gắn với nợ xấu, bất động sản, và thị trường trái phiếu doanh nghiệp nên được theo dõi chặt chẽ, và các khuôn khổ an toàn vĩ mô nên được tăng cường.

¹Theo Điều khoản IV Điều lệ Thành lập IMF, IMF tiến hành thảo luận song phương với các quốc gia thành viên, thường là định kỳ hàng năm. Một đoàn cán bộ của IMF đến thực địa tại quốc gia được đánh giá, thu thập thông tin tài chính, kinh tế, và thảo luận với cơ quan chức năng của quốc gia đó về tình hình kinh tế và các chính sách. Khi trở về hội sở chính, đoàn xây dựng báo cáo và trình lên Ban Giám đốc Điều hành để thảo luận.

Đánh giá của Ban Giám đốc Điều hành²

Các giám đốc điều hành hoan nghênh cơ quan chức năng của Việt Nam đã áp dụng những chính sách để giảm nhẹ tác động của đại dịch, đồng thời đã thành công trong việc giữ vững ổn định tài chính, tài khoá, kinh tế đối ngoại, cũng như đã triển khai một chiến dịch tiêm chủng đầy ấn tượng. Các giám đốc điều hành quan sát thấy rằng mặc dù sự phục hồi kinh tế đang diễn ra mạnh mẽ nhưng không đồng đều, với thị trường lao động còn đang trì trệ, các điểm dễ tổn thương trong khu vực tài chính đang gia tăng, và những thách thức về mặt cơ cấu vẫn tồn tại dai dẳng lâu nay. Nhận thấy rằng các rủi ro đang nghiêng về phía tiêu cực, các giám đốc điều hành kêu gọi cơ quan chức năng cần hoạch định chính sách linh hoạt, chủ động điều chỉnh theo nhịp độ phục hồi và diễn biến rủi ro.

Các giám đốc điều hành nhấn mạnh chính sách tài khoá cần giữ vai trò chủ đạo và được điều chỉnh linh hoạt theo tình hình kinh tế luôn biến động. Họ hoan nghênh Chương trình Phục hồi và Phát triển Kinh tế-Xã hội và nhấn mạnh rằng việc xác định đúng trọng tâm, đúng đối tượng, đảm bảo hiệu quả chi, triển khai nhanh chóng là những yêu cầu quan trọng đối với Chương trình. Họ khuyến khích việc điều chỉnh tài khoá dần dần khi tiến trình phục hồi bám rễ sâu hơn, đặc biệt chú trọng đến động viên thu ngân sách để tạo không gian tài khoá cho chi tiêu thực hiện các mục tiêu xã hội, biến đổi khí hậu và các mục tiêu phát triển khác.

Các giám đốc nhấn mạnh chính sách tiền tệ cần nhanh nhạy, thận trọng trước rủi ro lạm phát. Họ cũng nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc giải quyết nợ xấu, kịp thời chấm dứt các quy định tạm thời nới lỏng tiêu chuẩn phân loại nợ và trích lập dự phòng, và giám sát chặt chẽ các rủi ro trong lĩnh vực bất động sản. Các giám đốc cũng lưu ý rằng, trong trung hạn, tình hình vốn của các ngân hàng cần được củng cố, các khuôn khổ an toàn vĩ mô và tái cơ cấu nợ tư cần được cải thiện.

Các giám đốc nhận xét rằng trạng thái kinh tế đối ngoại của Việt Nam mạnh hơn so với mức độ phù hợp với các yếu tố nền tảng và chính sách lý tưởng. Ở khía cạnh này, các giám đốc kêu gọi cơ quan chức năng tiếp tục nỗ lực thúc đẩy đầu tư tư nhân trong nước và tăng cường các lưới an sinh xã hội. Họ hoan nghênh các bước đi gần đây của cơ quan chức năng nhằm gia tăng sự linh hoạt của tỷ giá về cả hai chiều cũng như hiện đại hoá chính sách tiền tệ; họ cũng khuyến khích cơ quan chức năng tiếp tục nỗ lực theo hướng này.

Các giám đốc nhấn mạnh đến tầm quan trọng của những cải cách cơ cấu nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng suất, thúc đẩy tiềm năng tăng trưởng. Họ nhất trí rằng nên ưu tiên giảm thiểu những mất cân đối cung cầu kỹ năng lao động, thúc đẩy chuyển đổi số, và đảm bảo một sân chơi bình đẳng—đặc biệt cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các giám đốc cũng đánh giá cao chương trình bảo vệ môi trường đầy tham vọng của Việt Nam và thúc giục cần sớm chuyển hoá những mục tiêu thành hành động chính sách cụ thể. Họ cũng hoan nghênh những nỗ lực không ngừng của cơ quan chức năng nhằm củng cố các thể chế kinh tế, tăng cường quản trị, bao gồm cả khuôn khổ AML-CFT, và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc củng cố các khuôn khổ dữ liệu.

² Khi kết thúc thảo luận, Tổng Giám đốc—với tư cách người đứng đầu Ban Giám đốc Điều hành—tóm tắt quan điểm của các Giám đốc Điều hành, và bản tóm tắt này được chuyển đến cơ quan chức năng của quốc gia được đánh giá. Phản giải thích các thuật ngữ định lượng sử dụng trong bản tóm tắt được đăng tải tại đường dẫn sau: <http://www.imf.org/external/np/sec/misc/qualifiers.htm>.

Bảng 1. Việt Nam: Một số chỉ tiêu kinh tế chọn lọc, 2018–23 1/

	2018	2019	2020	2021	Dự báo	
					2022	2023
Sản lượng						
GDP thực (% thay đổi)	7.2	7.2	2.9	2.6	6.0	7.2
Khoảng cách sản lượng (% GDP)	-0.3	1.2	-0.3	-2.4	-2.1	-1.2
Giá cả (% thay đổi)						
CPI (trung bình cả kỳ)	3.5	2.8	3.2	1.9	3.8	3.7
CPI (cuối kỳ)	3.0	5.2	0.2	1.8	3.9	3.5
Lạm phát cơ bản (cuối kỳ)	1.7	2.8	1.0	0.8	2.3	2.6
Tiết kiệm và đầu tư (% GDP)						
Tổng tiết kiệm quốc gia	33.8	35.5	36.5	32.3	36.1	37.0
Tư	30.0	31.2	34.5	29.6	35.6	36.5
Công	3.8	4.3	2.0	2.7	0.5	0.6
Tổng đầu tư	31.9	31.8	32.1	33.4	35.4	35.7
Tư	26.4	26.4	25.3	27.4	29.3	29.5
Công	5.5	5.4	6.7	6.0	6.1	6.2
Tài chính ngân sách nhà nước (% GDP) 2/						
Thu ngân sách và viện trợ	19.5	19.6	18.5	18.6	16.7	16.8
Trong đó: Thu dầu thô	0.9	0.7	0.6	0.5	0.7	0.5
Chi ngân sách	20.6	20.0	22.4	22.1	21.3	21.4
Chi trả lãi						
Chi thường xuyên	15.1	14.6	15.7	16.1	15.2	15.2
Mua ròng tài sản phi tài chính	5.5	5.4	6.7	6.0	6.1	6.2
Cho vay ròng (+)/Vay nợ ròng (-) 1/ (tổng)	-1.0	-0.4	-3.9	-3.5	-4.7	-4.7
Cho vay ròng (+)/Vay nợ ròng (-) 3/	-1.0	-0.4	-3.9	-3.5	-4.7	-4.7
Cho vay ròng / Vay nợ ròng, gồm cả quỹ ngoài ngân sách	0.4	0.3	-2.8	-2.5	-3.8	-3.9
Nợ của khu vực công và nợ do khu vực công bảo lãnh (cuối kỳ)	43.7	41.3	41.7	39.7	40.5	40.8
Tiền và tín dụng (% thay đổi, cuối kỳ)						
Tiền rộng (M2)	12.4	14.8	14.5	10.7	11.3	13.0
Tín dụng ra nền kinh tế	12.7	12.8	11.6	13.5	14.6	14.3
Cán cân thanh toán (% GDP, trừ khi nêu khác)						
Cán cân vãng lai (bao gồm cả chuyển giao chính thức)	1.9	3.7	4.4	-1.0	0.7	1.3
Xuất khẩu f.o.b.	80.4	80.6	82.4	91.8	92.9	91.5
Nhập khẩu f.o.b.	74.9	74.1	73.5	87.0	86.3	84.0
Cán cân vốn và tài chính 4/	2.8	5.8	2.5	8.4	3.2	3.2
Tổng dự trữ ngoại hối (tỷ USD) 5/	55.3	78.5	95.2	109.4	125.5	146.6
Tính theo số tháng nhập khẩu GNFS	2.5	3.5	3.4	3.5	3.6	3.8
Tổng nợ nước ngoài (cuối kỳ)	36.5	37.3	36.4	36.1	35.3	34.8
Tỷ giá danh nghĩa (VND/USD, cuối kỳ)	23,175	23,173	23,098	22,792	...	...
Tỷ giá hiệu dụng thực (cuối kỳ)	127.5	129.4	124.3	...	...	...
Các hạng mục khác (giá hiện hành):						
GDP (tỷ USD)	303.1	327.9	342.9	366.2	408.4	462.4
GDP bình quân đầu người (USD)	3,202	3,398	3,514	3,718	4,108	4,611

Nguồn: Các cơ quan chức năng Việt Nam; ước tính, dự báo của cán bộ IMF.

1/ GDP được điều chỉnh tăng trung bình 25,4% cho giai đoạn 2010–17 nhờ đo lường tốt hơn và bao phủ đầy đủ hơn các cơ sở SXKD chính thức.

2/ Theo mẫu trình bày của *Hướng dẫn Thông kê Tài chính Chính phủ 2001*. Các quỹ TCNN lớn không nằm trong ngân sách nhưng vẫn thuộc khu vực chính phủ chung (số thu lên tới 6–7% GDP).

3/ Không bao gồm cho vay ròng của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, thu, chi của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam.

4/ Có bao gồm dự báo giá trị âm của hạng mục lỗi và bỏ sót trong thời gian tới (ví dụ: các dòng vốn ngắn hạn chảy ra và nhập khẩu không được thống kê).

5/ Không bao gồm tiền gửi của ngân sách.